

Trường phái tổng hợp cổ điển mới với P. Samuelson và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường

TS. PHẠM THĂNG

Samuelson và nền kinh tế hỗn hợp

Paul Anthony Samuelson – nhà kinh tế học đương đại nổi tiếng người Mỹ gốc Ba Lan – đại biểu của trường phái tổng hợp cổ điển mới, sinh năm 1915 tại thành phố Chali bang Indiana. Năm 1932, ông học Đại học Chicago, năm 1935 tốt nghiệp khoa Kinh tế, sau đó học thêm tại trường Đại học Harvard. Năm 1936 lấy bằng thạc sĩ, năm 1941 thi đậu tiến sĩ. Vào thời gian từ những năm 30 đến 40 của thế kỷ XX, thuyết “Cạnh tranh độc quyền” và trường phái “Keynes mới” được ứng dụng rất phổ biến ở châu Âu, Mỹ. Tuy nhiên, ảnh hưởng của “Cuộc cách mạng Keynes” vẫn lấn lướt “Cạnh tranh độc quyền” của Chamberlin. Sau khi nhận học vị tiến sĩ, ông nhận việc tại Học viện vật lý Maxym, với vai trò trợ lý giáo sư, sau đó tiếp tục công việc giảng dạy và nghiên cứu tại MIT tới khi nghỉ hưu. Ngay cả những năm 60, khi làm cố vấn kinh tế cho Kennedy, ông vẫn miệt mài nghiên cứu. Năm 1947, ông trở thành giáo sư của trường Đại học Harvard. Ông còn kiêm chức cố vấn kinh tế cho khá nhiều tờ báo và tổ chức của nhà nước và tư nhân phi doanh lợi, như Cục kế hoạch tài nguyên quốc gia, Cục sản xuất thời chiến, Bộ tài chính, Ủy ban cố vấn kinh tế, Cục ngân sách... Ông đã từng làm chủ bút báo *Tuần tin tức* của Mỹ.

Ông đã dành được nhiều danh hiệu cao quý trong lĩnh vực nghiên cứu kinh tế: Huy chương vàng Wales của Đại học Harvard, năm 1941; giải

thường Clark, năm 1947, giải thưởng này chỉ dành cho những nhà kinh tế học dưới 40 tuổi; giải Einstein và giải Nobel về kinh tế học lần thứ hai năm 1970 và nhiều chức vụ danh giá khác của các tổ chức nghiên cứu kinh tế Mỹ và thế giới.

P. Samuelson nghiên cứu hầu như tất cả các lĩnh vực của kinh tế học, như: lý luận về tiêu dùng, lý luận về tư bản, tài chính công, tăng trưởng kinh tế, kinh tế học phúc lợi, thương mại quốc tế... Ông không chỉ có những đóng góp to lớn về việc phân tích kinh tế, nhất là lý luận tổng hợp cổ điển mới (Tobin cho rằng đây là đóng góp to lớn nhất của P. Samuelson cho kinh tế học), mà ông còn đưa kinh tế học trong những năm 30 của thế kỷ XX chỉ nặng về bàn thảo theo kiểu tự biện và biểu đồ sang một giai đoạn mới, là phân tích định lượng toán lý. Phương pháp này chiếm vai trò chủ đạo từ sau những năm 30 đến hiện nay. Ngay từ khi 21 tuổi, ông đã công bố bài luận văn thứ nhất mang tựa đề “Giải thích về cách đo hiệu lực và công dụng” và sau đó cứ bình quân một năm có 5 luận văn được công bố. Các bài luận văn của ông được đánh giá cao, điều đó chứng tỏ khả năng nghiên cứu và năng lực làm việc phi thường.

Cuốn sách có tựa đề “Kinh tế học” (*Economics*) xuất bản năm 1948, có ảnh hưởng rất lớn trên phạm vi toàn thế giới, được coi là sách giáo khoa kinh tế học tốt nhất ở Âu, Mỹ, người chưa bao giờ học kinh tế vẫn có thể tiếp cận tìm hiểu nó một cách dễ

dàng và người đang làm luận án tiến sĩ kinh tế cũng rất cần đến nó. “Kinh tế học” là cuốn sách nhập môn có nội dung rất sâu sắc, nhưng lời lẽ lại giản dị dễ hiểu. Vì vậy, nó đã làm cho môn học kinh tế vốn rất nặng nề khô cứng, trở nên nhẹ nhàng, thậm chí tràn đầy hứng thú đối với người học. “Kinh tế học” sau này có sự cộng tác của Giáo sư Đại học Yale – William D. Nordhaus, do đó W. D. Nordhaus trở thành đồng tác giả của cuốn *Kinh tế học*. Cứ 3 năm, cuốn sách này được hiệu đính và tái bản một lần. Năm 1995, *Kinh tế học* đã được xuất bản lần thứ 15, ở lần xuất bản này trở đi, cuốn sách lại có sự cộng tác của một phóng viên kinh tế có học vị tiến sĩ và có hơn 30 năm chuyên viết các chuyên mục kinh tế. Vì vậy, *Kinh tế học* thường được cập nhật về nội dung.

P. Samuelson gọi lý luận kinh tế của ông là “Lý luận hiện đại về vai trò quyết định của thu nhập”. Đặc trưng cơ bản của lý luận này là nó có sự kế thừa lý luận của J. Keynes (1883 – 1946), đối tượng nghiên cứu vẫn là vấn đề quyết định của mức sản xuất quốc dân. Tuy nhiên, ông lại có sự sửa đổi và bổ sung rất nhiều so với lý luận của J. Keynes:

Thứ nhất, là khái quát và phát triển tư tưởng của J. Keynes bắt nguồn từ cuốn “Lý thuyết chung về tiền tệ, lãi suất và việc làm”, sau được Hansen phát triển thành lý thuyết “Kinh tế hỗn hợp” và coi đó là tiêu đề để phân tích lý luận. Lý thuyết “Kinh tế hỗn hợp” cho rằng CNTB đã phát triển đến giai đoạn mới, đó là kinh tế hỗn hợp. “Kinh tế hỗn hợp”, theo P. Samuelson chỉ là sự kết hợp giữa nhà nước và xí nghiệp tư nhân, sự kết hợp giữa độc quyền và cạnh tranh, chỉ có “Kinh tế hỗn hợp” mới loại trừ được khủng hoảng kinh tế và đảm bảo cho nền kinh tế có đủ công ăn việc làm.

Thứ hai, P. Samuelson một lần nữa sử dụng định luật này của Say mà Keynes đã vứt bỏ hoàn toàn, khi cho rằng chính phủ có thể vận dụng các biện pháp như chính sách tài chính và

chính sách tiền tệ để tạo ra một sức mua mà xã hội đòi hỏi khi có đủ công ăn việc làm, tức là chính phủ có thể tạo ra sức cầu tiêu dùng cao trong khi thu nhập của dân chúng tăng lên.

Thứ ba, “Kinh tế hỗn hợp” của P. Samuelson đã sửa đổi cái gọi là qui luật tâm lý cơ bản giữ địa vị then chốt trong lý luận của J. Keynes. Qui luật tâm lý ấy là “Khuyh hướng tiêu dùng giới hạn” giảm dần (MPC: Marginal Propensity to Consume). Qui luật MPC giảm dần được giải thích là, nếu thu nhập của dân cư tăng thêm một mức nào đó, thì tiêu dùng và tiết kiệm của họ cũng tăng theo. Trong hai khuyh hướng ấy thì khuyh hướng tiết kiệm sẽ tăng nhanh hơn là khuyh hướng tiêu dùng. J. Keynes cho rằng qui luật này chỉ thích hợp với tình hình tiêu dùng của gia đình riêng lẻ. Tuy nhiên, kinh nghiệm thống kê lại cho biết khuyh hướng tiêu dùng xã hội là tổng thể của khuyh hướng tiêu dùng riêng lẻ và thường có tính ổn định lâu dài. Do vậy sẽ không có sự tồn tại hiện tượng không đủ nhu cầu có hiệu quả và thất nghiệp không tự nguyện.

Thứ tư, coi chất lượng cuộc sống là vấn đề chủ yếu quan trọng hàng đầu trong sinh hoạt kinh tế hiện tại của mỗi quốc gia. P. Samuelson đã nêu ra các lý luận như “phúc lợi kinh tế thuần túy” để đánh giá chất lượng cuộc sống, hay còn gọi là phúc lợi kinh tế ròng (New: Net Economics Welfare). New được tính bằng công thức $GNP + \text{các hoạt động kinh tế ngầm}$, là các hoạt động kinh tế không khai báo để trốn thuế trừ đi nhưng thiệt hại do hoạt động kinh tế gây ra. Như vậy, New là một chỉ tiêu rất hấp dẫn các nhà kinh tế và là một chỉ tiêu lý tưởng để đánh giá chất lượng cuộc sống.

Thứ năm, ông dùng “nguyên lý gia tốc” để bổ sung cho lý luận “số nhân” của J. Keynes. Kết hợp hai nguyên lý đó để chỉ rõ mối quan hệ chặt chẽ giữa đầu tư và tiêu dùng để xây dựng lý luận về sự biến động kinh

tế và lý luận tăng trưởng kinh tế tổng hợp cổ điển mới. Tổng hợp cổ điển mới thực chất là sự giao thoa giữa hai trường phái tân cổ điển và trường phái Keynes. Trong khi phê phán nhau, hai trường phái này đã xích lại gần nhau vì họ thấy rõ điểm mạnh, yếu của nhau và của chính họ. Vì vậy họ thấy rằng cần phải bổ sung cho nhau. “Tổng hợp cổ điển mới” đang giữ vai trò thống trị ở hầu hết các quốc gia Âu, Mỹ và Nhật Bản. Nó được vận dụng cho việc hoạch định các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, đồng thời ở tầm vi mô nó được sử dụng để xây dựng kế hoạch điều hành kinh doanh của các doanh nghiệp.

Thứ sáu, về mặt chính sách kinh tế P. Samuelson cho rằng kinh tế vĩ mô chủ yếu nhấn mạnh sự thay đổi thu nhập do thay đổi về đầu tư, mà kinh tế vĩ mô lại chú trọng nghiên cứu hậu quả kinh tế do biến động của giá cả. Vì vậy, ông dùng lý luận của A. Marshall để bổ sung cho lý luận của Keynes. Từ đó ông chủ trương chính sách kinh tế cơ bản là: Sau khi sử dụng chính sách tài chính và chính sách tiền tệ để thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế và làm cho nền kinh tế có đầy đủ công ăn việc làm, Nhà nước không cần phải điều chỉnh, can thiệp sâu vào hoạt động kinh tế, mà nên để thị trường phát huy tác dụng, theo phương châm: “Nhà nước ít hơn thị trường nhiều hơn”.

Chức năng của chính phủ

Theo P. Samuelson trong nền kinh tế hỗn hợp, bất kỳ một chính phủ nào cũng phải đảm nhận những chức năng sau đây:

Thứ nhất: Phải thiết lập được một khuôn khổ pháp luật tạo môi trường thuận lợi và an toàn cho các chủ thể kinh doanh. Pháp luật phải phản ánh những giá trị tốt đẹp, tiến bộ, hợp thời và có sự đồng thuận cao. Có như vậy, nó mới có thể điều chỉnh hành vi ứng xử của các chủ thể.

Thứ hai: Phải đảm bảo tính hiệu quả các hoạt động kinh tế. Cạnh

tranh trong kinh tế thị trường sẽ dẫn đến độc quyền, làm cho nền kinh tế kém hiệu quả do độc quyền làm biến dạng cung – cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và tiêu dùng theo hướng tiêu cực. Vì vậy, phải có chế tài độc quyền để tăng hiệu quả của hoạt động kinh tế. Mặt khác, bất kỳ hành vi gây hậu quả xấu do ai gây ra, họ đều chịu trách nhiệm, có như vậy mới có thể hạn chế đến mức thấp nhất những hành vi cố tình hoặc vô ý làm suy giảm hiệu quả của nền kinh tế. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ, chính sách để quản lý kinh tế, như: chính sách tài chính, tiền tệ, thuế, giá cả... Nhà nước có thể kích thích đầu tư sản xuất các hàng hóa công cộng.

Thứ ba: Phải đảm bảo tính công bằng, bình đẳng. Mặc dù kinh tế thị trường là một mô hình kinh tế tốt nhất trong việc tạo ra một khối lượng hàng hóa dịch vụ nhiều nhất, trong thời gian ngắn nhất, mà không một mô hình kinh tế nào có thể làm được. Nhưng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập luôn song hành với nó. Nếu không được giảm thiểu, nền kinh tế sẽ rơi vào trạng thái bất ổn. Để duy trì sự ổn định cho phát triển kinh tế và xã hội, Nhà nước phải sử dụng các công cụ thuế thu nhập, bảo hiểm, phúc lợi xã hội... để điều tiết thu nhập của các tầng lớp cư dân, các vùng, miền...

Thứ tư: Phải ổn định kinh tế vĩ mô. Khủng hoảng, lạm phát, thất nghiệp vốn dĩ là “bạn đường” của kinh tế thị trường. Trong trường hợp như vậy nền kinh tế sẽ rơi vào những cơn “co giật” dẫn đến “sốt nóng” hoặc “cảm lạnh”. Phương thuốc chủ yếu để Nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô là chính sách tài chính và chính sách tiền tệ. Ngoài ra, các chính sách khác cũng cần được kết hợp sử dụng như thuế, lãi suất...

Học thuyết kinh tế của trường phái tổng hợp cổ điển mới có thể là những gợi ý rất cần thiết cho việc quản lý kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam ■